TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NL** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HS-ST
Ngày 30 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NL, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Hà;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Vĩnh;
2. Ông Vũ Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã NL.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã NL *tham gia phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã NL xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2023/TLST- HS ngày 11/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST- HS ngày 15/6/2023 đối với bị cáo:

Lại Tài A. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 24/7/1997, tại thị xã NL. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1 xã NL, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Lại Kim T (Đã chết) và bà Vũ Thị H, sinh năm 1975. Vợ là Nguyễn Bích P, sinh năm 1997. Có một con sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn 1, xã NL, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***

Phạm Hoài N. Sinh năm 1991. Cư trú tại: Tổ 6, phường TA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Thị H1. Sinh năm 1980. Cư trú tại: Thôn 8, xã NL, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Ngọc H2. Sinh năm 1994. Cư trú tại: Thôn 1, xã NL, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

Bùi Văn Q. Sinh năm 1987. Cư trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn nông trường LS, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

Vũ Thị Hạnh L. Sinh năm 1998. Cư trú tại: Thôn HT, thị trấn ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

Lê Xuân C. Sinh năm 2002. Cư trú tại: Thôn 4, xã NL, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Hoàng H3. Sinh năm 1978. Cư trú tại: Tổ 3, phường CT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

Vũ Thế Q1. Sinh năm 1985. Cư trú tại: Tổ 5, phường TA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

Trần Phương T1. Sinh năm 1998. Cư trú tại: Tổ 4, phường TA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

Trương Ngọc D. Sinh năm 1987. Cư trú tại: Tổ 8, phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

Ngô Thị Hồng P1. Sinh năm 1975. Cư trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn nông trường LS, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

Lê Hoài N1. Sinh năm 2000. Cư trú tại: Thôn Q, xã PN, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

Hoàng Kim T2. Sinh năm 1995. Cư trú tại: Tổ PK, phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 5 năm 2022 đến ngày 01/7/2022, Lại Tài A cho Phạm Hoài N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc H2, Bùi Văn Q, Vũ Thị Hạnh L, Lê Xuân C, Nguyễn Hoàng H3, Vũ Thế Q1, Trần Phương T1, Trương Ngọc D, Ngô Thị Hồng P1, Lê Hoài N1 và Hoàng Kim T2 vay tiền, với lãi xuất cao hơn từ 5,4 đến 09 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật dân sự đã quy định. Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: "*Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*

Trường hợp lãi suất theo thoả thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực". Mức lãi suất vượt quá được coi là khoản thu lợi bất chính. Số tiền gốc, số tiền lãi, số thu lợi bất chính qua các lần cho vay của Lại Tài A được tính toán cụ thể như sau:

1. Ngày 27/5/2022 A cho Q vay 12.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày, kỳ hạn vay là 07 tháng. Tỷ lệ lãi theo tháng là 15% (5.000 đồng : 1.000.000đ x 30 ngày x 100) và tỷ lệ lãi theo năm là 180% (15%/tháng x 12 tháng). Gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự đã quy định (180%/năm : 20%/năm). Q đã trả đủ cho A 07 tháng tiền lãi là 12.600.000 đồng (7 tháng x 12.000.000 đồng x 15%) và 12.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà A có thể thu của Q là 1.400.000 đồng (12.600.000 đồng : 9). Số tiền A thu lợi bất chính là 11.200.000đồng (12.600.000 đồng - 1.400.000).

Tương tự cách tính nêu trên, đối với các khoản vay sau này, số tiền A thu lợi bất chính là:

2. Ngày 01/6/2022, A cho H3 vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày = 108%/01 năm, kỳ hạn vay là 05 tháng. H3 đã

trả cho A 05 tháng tiền lãi là 9.000.000 đồng, 10.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 7.333.333 đồng.

Do H3 còn nợ gốc 10.000.000 đồng nên từ tháng 12/2022, A tiếp tục tính lãi với khoản vay này là 02 tháng, lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. H3 đã trả cho A 02 tháng tiền lãi là 1.800.000 đồng, hiện tại còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 1.466.667 đồng.

Tổng số tiền A thu lợi bất chính từ khoản cho H3 vay qua 2 lần tính lãi là 8.800.000 đồng (7.333.333 đồng + 1.466.667 đồng).

3. Từ ngày 22/5/2022 đến ngày 02/6/2022, A cho Phạm Hoài N vay 02 lần với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng.

- Lần thứ nhất: Ngày 22/5/2022, A cho N vay số tiền là 20.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày = 144%/năm, kỳ hạn vay là 02 tháng. N đã trả đủ cho A 02 tháng tiền lãi là 4.800.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 4.133.333 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 02/6/2022, A cho N vay số tiền là 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày = 144%/năm, kỳ hạn vay là 01 tháng. N đã trả đủ cho A 01 tháng tiền lãi là 1.200.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 1.033.333 đồng.

Tổng số tiền A thu lợi bất chính từ 2 khoản cho N vay là 5.166.666 đồng.

4. Ngày 27/5/2022, A cho L vay 10.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày = 144%/năm, kỳ hạn vay là 08 tháng. L đã trả đủ cho A 08 tháng tiền lãi là 9.600.000 đồng và vẫn nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 8.266.667 đồng.

5. Ngày 24/5/2022, A cho H2 vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày = 144%/năm, kỳ hạn vay là 03 tháng. H2 đã trả đủ cho A 03 tháng tiền lãi là 7.200.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền gốc, H2 còn nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 6.200.000 đồng.

Do H2 còn nợ gốc 10.000.000 đồng nên từ tháng 08/2022, A tiếp tục tính lãi với khoản vay này là 05 tháng với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày = 144%/01 năm. H2 đã trả cho A được 05 tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 5.166.667 đồng.

Tổng số tiền A thu lợi bất chính từ khoản cho H2 vay qua 2 lần tính lãi là 11.366.667 đồng.

6. Ngày 23/6/2022, A cho D vay 15.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày = 108%/01 năm, kỳ hạn vay là 07 tháng. D đã trả đủ cho A 07 tháng tiền lãi là 9.200.000 đồng (Khi trả Lại Tài A đã bớt cho anh D là 250.000 đồng lãi) và vẫn nợ lại 15.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 7.450.000 đồng.

7. Tháng 5 năm 2022, A cho C vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, kỳ hạn vay là 03 tháng = 108%/01 năm. C đã trả đủ cho A 03 tháng tiền lãi là 5.400.000 đồng và vẫn nợ lại 20.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 4.400.000 đồng.

8. Ngày 01/7/2022, A cho T2 vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày = 144%/01 năm, kỳ hạn vay là 01 tháng. T2 đã trả đủ cho

A 01 tháng tiền lãi là 1.200.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 1.033.333 đồng.

9. Ngày 19/6/2022, A cho T1 vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày = 144%/01 năm, kỳ hạn vay là 01 tháng. T1 đã trả đủ cho A 01 tháng tiền lãi là 2.400.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 2.066.667 đồng.

10. Tháng 6 năm 2022, A cho P1 vay 25.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày = 144%/01 năm, kỳ hạn vay là 01 tháng. P1 đã trả đủ cho A 01 tháng tiền lãi là 3.000.000 đồng và 25.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 2.583.333 đồng.

11. Ngày 12/6/2022, A cho Q1 vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu tiền vay/01 ngày = 108%/01 năm, kỳ hạn vay là 06 tháng. Q1 đã trả đủ cho A 06 tháng tiền lãi là 5.400.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 4.400.000 đồng.

12. Tháng 6 năm 2022, A cho Lê Hoài N1 vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày = 144%/01 năm, kỳ hạn vay là 08 tháng. N1 đã trả đủ cho A 08 tháng tiền lãi là 4.800.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 4.133.333 đồng.

13. Ngày 23/5/2022, A cho H1 vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày = 108%/01 năm, kỳ hạn vay là 01 tháng. H1 đã trả đủ cho A 01 tháng tiền lãi là 1.200.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền A thu lợi bất chính là 1.033.333 đồng.

Như vậy: Tổng số tiền gốc Lại Tài A bỏ ra cho vay là 207.000.000 đồng, số tiền lãi A đã thu được về là 84.800.000 đồng. Trong đó: Số tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà A có thể thu là 12.900.001 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 71.899.999 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Lại Tài A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Cơ quan điều tra cũng thu giữ vật chứng thu giữ trong vụ án là: 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Hoàng H3. 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 079158 mang tên Lò Văn Đức. 01 Giấy phép lái xe số 151183002221; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 120510 đều mang tên Vũ Thị Hạnh L.

Cáo trạng số 31/CT-VKS-NL, ngày 11/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã NL, đã truy tố Lại Tài A về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập từ 10% đến 15%. Tịch thu 207.000.000 đồng tiền gốc và 12.900.001 đồng tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm. Buộc bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá 20%/năm cho Vũ Thị Hạnh L. Chấp nhận việc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại đã tự nguyện cho bị cáo số tiền lãi vượt quá 20%/năm và không yêu cầu Tòa án buộc bị cáo phải hoàn trả.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo nhận tội, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Lại Tài A tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 5 năm 2022 đến ngày 01/7/2022, Lại Tài A cho Phạm Hoài N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc H2, Bùi Văn Q, Vũ Thị Hạnh L, Lê Xuân C, Nguyễn Hoàng H3, Vũ Thế Q1, Trần Phương T1, Trương Ngọc D, Ngô Thị Hồng P1, Lê Hoài N1 và Hoàng Kim T2 vay tiền, với lãi xuất cao hơn từ 5,4 đến 09 lần mức lãi suất cao nhất được chấp nhận trong giao dịch dân sự, thu lợi bất chính số tiền 71.899.999 đồng.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định. *"Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

Lại Tài A có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay tiền với lãi nặng là vi phạm pháp luật và với số tiền A đã thu lợi bất chính như trên, nên hành vi của A cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự " theo khoản 1 Điều 201 BLHS đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: A lợi dụng sự thiếu hiểu biết pháp luật và do nhu cầu cần vay tiền của các cá nhân, bị cáo đã cho vay với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Đây là vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh tiền tệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền đang trong hoàn cảnh khó khăn, lại càng khó khăn, điêu đứng hơn, trái với văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc, không được dư luận xã hội ủng hộ. Chỉ vì động cơ, mục đích hám lợi, bị cáo đã

xem thường pháp luật thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải áp dụng hình phạt để xử lý nghiêm minh.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về nhân thân: Quá trình sinh sống, lao động tại địa phương, Bị cáo chưa có lần nào vi phạm pháp luật bị xử lý thể hiện là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng.

[5] Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Lại Tài A như trên, xét thấy, cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo phải chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương trong một thời gian nhất định. Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử cũng áp dụng khấu trừ 15% thu nhập hàng tháng, tương ứng là 750.000 đồng/tháng (BL38) của bị cáo để nộp ngân sách nhà nước, theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự, mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời cũng góp phần răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Do đã áp dụng khấu trừ thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, tiền hoặc tài sản tịch thu.

Tổng số tiền gốc bị cáo A cho vay là 207.000.000 đồng, đây là tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách. Trong đó:

Số tiền gốc người vay đã trả là 152.000.000 đồng cần tịch thu của bị cáo.

Số tiền gốc người vay chưa trả là 55.000.000 đồng nên cần tịch thu của những người vay. Cụ thể: Vũ Thị Hạnh L 10.000.000 đồng, Lê Xuân C 20.000.000 đồng, Nguyễn Hoàng H3 10.000.000 đồng, Trương Ngọc D 15.000.000 đồng.

Số tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm bị cáo A đã thu từ việc cho vay là 12.900.001 đồng, đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách.

Vũ Thị Hạnh L yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá 20%/năm là 8.266.667 đồng yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho Vũ Thị Hạnh L. Đối với những người vay còn lại đã tự nguyện cho bị cáo số tiền lãi vượt quá 20%/năm và không có yêu cầu Tòa án buộc bị cáo phải hoàn trả lại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng thu giữ trong vụ án: Trả lại Nguyễn Hoàng H3 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Hoàng H3 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 079158 mang tên Lò Văn Đức. Trả lại Vũ Thị Hạnh L 01 Giấy phép lái xe số 151183002221; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 120510 đều mang tên Vũ Thị Hạnh L.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Những đề nghị có căn cứ của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật như Hội đồng xét xử đã nhận định ở trên, nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lại Tài A phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";

1. Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lại Tài A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Lại Tài A cho Ủy ban nhân dân xã NL, thị xã NL để giám sát, giáo dục. Gia đình Lại Tài A có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ 15% thu nhập hàng tháng của bị cáo Lại Tài A thành tiền là 750.000 đồng/tháng, để nộp ngân sách.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, tiền hoặc tài sản tịch thu.

Áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu của Lại Tài A số tiền 164.900.000 đồng *(Một trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng)* để nộp ngân sách nhà nước. Trong đó: Số tiền gốc người vay đã trả là 152.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi hai triệu đồng)*và số tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm là 12.900.001 đồng *(Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng)*.

- Tịch thu của Vũ Thị Hạnh L 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, Lê Xuân C 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*, Nguyễn Hoàng H3 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, Trương Ngọc D 15.000.000 đồng *(Mười năm triệu đồng)* là tiền gốc đã vay chưa trả, để nộp ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Lại Tài A phải trả lại cho Vũ Thị Hạnh L số tiền lãi vượt quá 20%/năm là 8.266.667 đồng *(Tám triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng - Làm tròn số)*.

- Chấp nhận việc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Phạm Hoài N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc H2, Bùi Văn Q, Lê Xuân C, Nguyễn Hoàng H3, Vũ Thế Q1, Trần Phương T1, Trương Ngọc D, Ngô Thị Hồng P1, Lê Hoài N1, Hoàng Kim T2 đã tự nguyện cho bị cáo số tiền lãi vượt quá 20%/năm và không yêu cầu Tòa án buộc bị cáo phải hoàn trả.

- Trả lại Nguyễn Hoàng H3 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Hoàng H3 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 079158 mang tên Lò Văn Đức. Trả lại Vũ Thị Hạnh L 01 Giấy phép lái xe số 151183002221; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 120510 đều mang tên Vũ Thị Hạnh L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Bị cáo Lại Tài A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND, Sở Tư pháp tỉnh YB;
-VKSND, THADS TX NL;
-Công an thị xã NL 2 bản;
-Người có QLNVLQ;
-UBND xã NL (Thay Thông báo);
-Bị cáo, Hồ sơ THA hình sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Hà